

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 171/2023/HC-ST

Ngày 15 - 11 - 2023

V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực giải quyết chế độ ưu đãi
người có công với cách mạng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Chánh

Bà Trần Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 10 và ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa
án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm
thụ lý số 157/2023/TLST-HC ngày 20/6/2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2023/QĐXXST-HC ngày
09/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HC ngày 28/8/2023 và
Thông báo dời ngày xét xử số 462/2023/TB-TA ngày 19/9/2023 giữa các đương
sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Bùi Văn H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện L;

Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L;

Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Lâm Văn H1 – Chủ
tịch Ủy ban nhân dân huyện L (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Hữu H2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Tiểu Hoa N – Trưởng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện L (có mặt); ông Mạch Văn L – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (có mặt); ông Nguyễn Thành V – Chủ tịch UBND thị trấn L, huyện L (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh B;

Địa chỉ: A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc K – Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Nhật H3 – Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng người có công (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Bùi Văn H trình bày:

Tôi là con của Liệt sĩ Bùi Văn T và là cháu ruột của Liệt sĩ Nguyễn Văn C, hiện nay tôi đang là người thờ cúng cha và chú của tôi. Bản thân tôi mồ côi cả cha lẫn mẹ, tuy nhiên là thân nhân của Liệt sĩ, không có công việc ổn định, không có thu nhập, không có chỗ ở ổn định, hiện đang thuê nhà trọ nhưng không được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định của pháp luật về chế độ chính sách cho thân nhân liệt sĩ. Ngày 12/12/2022 tôi có làm đơn kiến nghị bí thư huyện Ủy huyện L tiến hành giải quyết cho tôi các chế độ như: Chế độ tiền hàng tháng của liệt sĩ; Chế độ tiền mai táng phí cho liệt sĩ; Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho Liệt sĩ; Chế độ tiền cấp bằng tổ quốc ghi công cho Liệt sĩ; Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho Liệt sĩ; vợ liệt sĩ; Chế độ trợ cấp 01 lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ; Chế độ thờ cúng Liệt sĩ; Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ; chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ; chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh, năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ; chế độ cấp đất, xây nhà tình nghĩa cho liệt sĩ tới nay chưa được giải quyết; chế độ 290, 188, 142 của Liệt sĩ; chế độ phong tặng bằng danh dự cho bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Ngày 29/12/2022, Chủ tịch UBND huyện L có Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH về việc trả lời các kiến nghị của tôi nhưng tất cả những vấn đề mà chủ tịch UBND huyện L trả lời đối với các khiếu nại trên của tôi nhưng cũng mang tính chung chung không đi vào trọng tâm vấn đề. Bản thân tôi là thân nhân gia đình liệt sĩ nhưng đối với chế độ cấp đất xây nhà thì chủ tịch UBND huyện L trả lời rằng hoàn cảnh của tôi đang khó khăn về nhà ở nhưng tôi không có đất nên

không được đề xuất xây nhà tình nghĩa là không hợp lý, không đúng với quy định của pháp luật hiện hành và hoàn cảnh thực tế của tôi. Ngày 17/03/2023 tôi tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến chủ tịch UBND huyện L để khiếu nại Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L về việc trả lời kiến nghị của tôi và căn cứ quy định về giải quyết các chế độ, cụ thể:

1. Chế độ tiền hàng tháng của Liệt sĩ;
2. Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ;
3. Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ;
4. Chế độ tiền bằng tổ quốc ghi công;
5. Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ;
6. Chế độ một lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ;
7. Chế độ thờ cúng liệt sĩ;
8. Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ;
9. Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ;
10. Chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ;
11. Chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho liệt sĩ tới nay chưa được giải quyết;
12. Chế độ 290, 188, 142 của liệt sĩ chưa giải quyết đầy đủ theo quy định.
13. Chế độ phong tặng bằng danh dự Nhà nước cho bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa được giải quyết.

Đồng thời tôi cũng yêu cầu rà soát tất cả những chế độ còn lại mà tôi được hưởng để yêu cầu phía chủ tịch UBND huyện L giải quyết cho tôi. Trong trường hợp phía chủ tịch UBND huyện L không chấp nhận thì phải cam đoan về việc rà soát đó.

Ngày 22/05/2023, Chủ tịch UBND huyện L đã quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, địa chỉ: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BR-VT. Nội dung của quyết định chỉ nêu lại những căn cứ như đã trả lời tại Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của chủ tịch UBND huyện L và cho rằng khiếu nại của tôi không có cơ sở mới để giải quyết nên đã bác đơn khiếu nại của tôi đồng thời giữ nguyên nội dung công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của chủ tịch UBND huyện L. Cùng ngày 17/03/2023 tôi cũng có đơn khiếu nại đến UBND huyện L đối với Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L với nội dung đề nghị UBND huyện L phải nêu rõ ra quy định về việc rà soát cấp đất, nhà ở cho tôi. Nếu UBND huyện L cho rằng trường hợp của tôi không được cấp đất theo quy định mà phải tham gia đấu giá mới được cấp đất thì chủ tịch UBND huyện L phải cam đoan chịu trách nhiệm về vấn đề đó. Ngày 24/05/2023 chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định số 1185/QĐ-UBND về việc giải

quyết khiếu nại của tôi và cho rằng khiếu nại của tôi là không có căn cứ để giải quyết nên đã bác đơn khiếu nại của tôi và giữ nguyên Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của chủ tịch UBND huyện L. Việc trả lời của chủ tịch UBND huyện L trả lời bằng các văn bản trên thì tôi không chấp nhận được bởi vì tất cả các quyền lợi về trợ cấp và điều kiện hỗ trợ về chỗ ở khi có khó khăn tôi không hề được hưởng. Tôi đã đi rất nhiều lần đến tất cả các ban ngành nhưng không có bất kỳ cơ quan nào giải quyết quyền lợi của tôi. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H.

- Hủy công văn số 14369/UBND – LĐTBXH của UBND huyện L về việc trả lời kiến nghị của ông Bùi Văn H ngày 29/12/2022.

- Hủy Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BR- VT (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BR- VT (lần đầu).

- Buộc UBND huyện L giải quyết cho tôi được hưởng tất cả các chế độ thân nhân liệt sĩ được hưởng theo quy định của pháp luật tôi, Cụ thể:

1. Chế độ tiền hàng tháng của Liệt sĩ theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP theo pháp lệnh số 02/2020 UBNTVQH14 01 liệt sĩ là 1.624.000 đồng/tháng. Nghị định số 58/2019 NĐ-CP phụ lục 1; NĐ số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/04/2013.

2. Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ căn cứ theo điều 31 của Pháp lệnh số 26/2005 ngày 29/06/2005 và pháp lệnh số 02/2020 ngày 09/12/2020 số tiền là 14.900.000 đồng; theo quyết định số 290/2005.

3. Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ theo Điều 57 và Điều 58 2.của nghị định số 28 - CP ngày 29/04/1995;

4. Chế độ tiền bằng tổ quốc ghi công trợ cấp 01 lần khi truy tặng bằng tổ quốc ghi công cho thân nhân Liệt sĩ là 20 lần mức lương cơ sở theo phụ lục 4 NĐ số 75/2021 ngày 24/07/2021 và theo Điều 16 của pháp lệnh số 02/2020 UBTV ngày 09/12/2020.

5. Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ và vợ liệt sĩ căn cứ theo Điều 29 pháp lệnh số 04/2012 ngày 16/07/2012 của người hoạt động kháng chiến chống Mỹ.

6. Chế độ một lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ căn cứ theo Điều 36, Điều 37 của pháp lệnh số 02/2020 ngày 09/12/2020 của UBTVQH14 và Pháp lệnh số 26/2005/QĐ-CP ngày 26/6/2005.

7. Chế độ thờ cúng liệt sĩ;

8. Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ theo Nghị định số 75/2021 và pháp lệnh 02/2020 UBNTVQH14 và nghị định số 31/2013 NĐ-CP ngày 09/04/2013

9. Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ..

10. Chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ;

11. Chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho liệt sĩ. Căn cứ theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021.

12. Chế độ 290, 188, 142 của liệt sĩ theo quy định tại Quyết định số 188/QĐ-TT9 của thủ tướng chính phủ trợ cấp 01 lần, Nghị định số 142/2008 ngày 27/10/2008 của chính phủ và Thông tư liên tịch số 191/2005 ngày 07/12/2005.

13. Chế độ phong tặng bằng danh dự Nhà nước cho bà mẹ Việt Nam anh hùng theo quyết định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013.

2. Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện L, **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân huyện L **và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:**

- Về việc ban hành Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H và Quyết định số 1185/QĐ-UBND Ngày 24/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H (lần đầu):

Ngày 05/9/2022, ông Bùi Văn H có đơn kiến nghị yêu cầu xem xét bản thân ông là thân nhân liệt sĩ, hiện đang khó khăn về chỗ ở và nơi thờ cúng liệt sĩ, đề nghị được giao đất làm nhà, đồng ý thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và được giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 28/10/2022, UBND huyện L có Công văn số 11518/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H. Theo đó: “... đến thời điểm hiện nay trên địa bàn huyện L chưa có tổ chức đấu giá đất làm nhà ở vì không có quỹ đất đủ điều kiện. Do đó, đề nghị của ông Bùi Văn H về việc được giao đất làm nhà, đồng ý thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và được giảm tiền sử dụng đất theo quy định (tại khoản 1, điều 118 của Luật Đất đai năm 2013) là chưa có cơ sở giải quyết. UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tiếp tục theo dõi việc tổ chức đấu giá đất làm nhà ở trên địa bàn huyện trong thời gian tới (nếu có) để tham mưu UBND huyện giải quyết theo thẩm quyền”.

Ngày 17/3/2023, ông Bùi Văn H có đơn khiếu nại Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L.

Ngày 24/5/2023, Phòng T có Báo cáo số 894/BC-TNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L.

Ngày 24/5/2023, Chủ tịch UBND huyện L có Quyết định số 1185/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H,

thị trấn L, huyện L (Lần đầu). Theo đó, bác đơn của ông Bùi Văn H về việc khiếu nại Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H; Giữ nguyên Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H.

Về căn cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H:

Ông Bùi Văn H là con liệt sĩ Bùi Văn T; theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng được xác định là thân nhân liệt sĩ.

Về chế độ giao đất cho thân nhân liệt sĩ:

Căn cứ Khoản 1 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013 quy định như sau:

“1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này: ...

h) Giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”.

- Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 (có hiệu lực ngày 15/02/2022) quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng: *“Giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau: ...*

3. Giảm 70% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau: ...

d) Thân nhân liệt sĩ”.

Theo quy định trên, trong trường hợp ông Bùi Văn H được Nhà nước giao đất làm nhà ở theo quy định của pháp luật do thuộc đối tượng là thân nhân liệt sĩ thì phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và được giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Về quy trình thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất căn cứ theo Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của L2, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Tại Công văn số 8460/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/12/2020 của Sở T3 gửi UBND tỉnh về việc giao đất ở cho gia đình chính sách, người có công cách mạng trên địa bàn huyện L: *“Việc giao đất ở đối với người có công với cách mạng Sở T3 đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh X ý kiến hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ T4 và Môi trường hướng dẫn như đã nêu trên. Các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất và các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai, thẩm quyền giao*

đất ở cho hộ gia đình và cá nhân là Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai, việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của L2, Bộ Tư pháp. Do đó, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản phúc đáp ông Bùi Văn H được biết; đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện L tìm quỹ đất công phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tổ chức đấu giá và hướng dẫn ông Bùi Văn H được biết để tham gia đấu giá theo quy định".

Ngày 21/01/2021, UBND tỉnh có Văn bản số 695/UBND-VP về việc giao đất ở cho gia đình chính sách, người có công cách mạng trên địa bàn huyện L. Theo đó, UBND tỉnh giao UBND huyện L căn cứ các ý kiến đề xuất của Sở T3 tại Công văn số 8460/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/12/2020 triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Căn cứ nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản trên, UBND huyện đã có Công văn số 11518/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H. Theo đó, UBND huyện L trả lời cho ông Bùi Văn H được rõ là hiện nay trên địa bàn huyện L chưa có tổ chức đấu giá đất làm nhà ở vì chưa có quỹ đất đủ điều kiện. Do đó, đề nghị của ông Bùi Văn H về việc được giao đất làm nhà, đồng ý thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và được giảm tiền sử dụng đất theo quy định (tại khoản 1, điều 118 của Luật Đất đai năm 2013) là chưa có cơ sở giải quyết.

Hiện nay, qua rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện L được UBND tỉnh B phê duyệt theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 01/3/2023, trong đó dự kiến đưa vào kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 khu đất công phù hợp quy hoạch đất ở. Trong thời gian tới, khi 02 khu đất này đủ điều kiện tổ chức đấu giá thì sẽ thông báo rộng rãi cho nhân dân cũng như ông Bùi Văn H được biết để đăng ký nộp hồ sơ đấu giá theo quy định.

Việc UBND huyện L ban hành Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 và Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 là đúng theo quy định của pháp luật về đất đai và trên cơ sở căn cứ theo nội dung Công văn số 695/UBND-VP ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh, Văn bản số 8460/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/12/2020 của Sở T3. Do đó, hiện nay UBND huyện L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

- Về việc ban hành Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện về việc trả lời kiến nghị của ông Bùi Văn H và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H (lần đầu):

Ngày 12/12/2022, ông Bùi Văn H có đơn kiến nghị "*yêu cầu đưa ra các chế độ người có công và thân nhân liệt sĩ để giải quyết, những chế độ nào chưa được hưởng*".

Ngày 29/12/2022, UBND huyện L ban hành Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH về việc trả lời kiến nghị của ông Bùi Văn H. Theo đó, UBND huyện L đã trả lời “... đối với tất cả các kiến nghị của ông Bùi Văn H lập đi lập lại nhiều lần gửi UBND tỉnh, Sở L..., UBND huyện đã đề nghị ông Bùi Văn H nếu không đồng ý với các ý kiến trả lời của tỉnh, huyện thì ông có quyền thực hiện việc khiếu nại để được giải quyết theo đúng quy định pháp luật”.

Ngày 17/3/2023, ông Bùi Văn H có đơn khiếu nại Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L.

Ngày 22/5/2023, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1157/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L (lần đầu). Theo đó, bác đơn của ông Bùi Văn H về việc khiếu nại Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L về việc trả lời các kiến nghị của ông Bùi Văn H; Giữ nguyên nội dung Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H.

Ông Bùi Văn H là con liệt sĩ Bùi Văn T, theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng được xác nhận là thân nhân liệt sĩ. Việc giải quyết chế độ như sau:

1. Chế độ tiền hàng tháng của liệt sĩ:

Căn cứ tại Nghị định 08/NĐ76 ngày 17/6/1976 của Hội về việc gia đình Liệt sĩ được trợ cấp tuất hàng tháng. Theo đó, gia đình Liệt sĩ Bùi Văn T được trợ cấp tuất hàng tháng và được truy lĩnh 24,5 tháng, kể từ ngày 17/6/1976.

Căn cứ Nghị định 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, bà Mai Thị T1, mẹ liệt sĩ là người hưởng chế độ tuất liệt sĩ Bùi Văn T. Đến năm 1996, bà Mai Thị T1 chết, nên UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 394/QĐ-UBH ngày 26/6/1996 về việc cắt chế độ trợ cấp hàng tháng đối với bà Mai Thị T1.

Theo quy định tại Quyết định 34/QĐ.LS ngày 10/11/1982 của Ty Thương binh Xã hội tỉnh Đ điều chỉnh từ hưởng tuất thường xuyên sang tuất ưu đãi con Liệt sĩ mồ côi đến khi ông Bùi Văn H đủ 18 tuổi (đủ tuổi lao động).

Theo quy định tại Quyết định số 721/QĐTB.PV ngày 29/6/1985 cắt chế độ trợ cấp do ông Bùi Văn H đủ 18 tuổi (đủ tuổi lao động).

Căn cứ các quy định trên, ông Bùi Văn H yêu cầu xem xét, giải quyết chế độ chính sách tiền hàng tháng của Liệt sĩ là không có cơ sở.

2. Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ:

Căn cứ Quyết định không số ngày 11/4/1978 của UBND tỉnh Đ, theo đó, trợ cấp tuất lần đầu với số tiền 275,6 đồng đã được thực hiện cho gia đình Liệt sĩ Bùi Văn T. Về nội dung này, ông Bùi Văn H yêu cầu xem xét giải quyết tiền mai táng phí cho Liệt sĩ, do hiện nay chưa có quy định chế độ mai táng phí cho Liệt sĩ mà chỉ có trợ cấp tuất lần đầu (trợ cấp một lần khi báo tử - liệt sĩ hy sinh) do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét giải quyết là không có cơ sở.

3. Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ:

- Căn cứ Nghị định số 59/2003/NĐ-CP ngày 4/6/2003 của Chính phủ về việc quy định chế độ trợ cấp 1 lần đối với thân nhân người có công với cách mạng đã chết trước ngày 01/01/1995: Huân chương kháng chiến của liệt sĩ Bùi Văn T đã được giải quyết trợ cấp 1 lần, chế độ đã được trợ cấp cho ông Bùi Văn H do bà Võ Thị Ngọc H4 (vợ ông H) nhận tiền theo danh sách ký nhận ngày 28/4/2005 tại UBND thị trấn L.

- Căn cứ Quyết định số 6B-VP/MT ngày 06/7/1966 của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền N1 về việc điều lệ khen thưởng theo niên hạn phục vụ của cán bộ, chiến sĩ quân giải phóng. Đối với các H5, Huy chương chiến sĩ giải phóng được khen thưởng nhằm giáo dục động viên, cổ vũ tất cả cán bộ chiến sĩ quân giải phóng nêu cao hơn nữa quyết tâm chống đế quốc Mỹ và việc khen thưởng không quy định kèm theo tiền hoặc hiện vật.

Căn cứ các quy định trên, việc ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét giải quyết chế độ tiền thi đua khen thưởng cho Liệt sĩ (H5, Huy chương) là không có cơ sở xem xét.

4. Chế độ tiền bằng Tổ quốc ghi công:

Căn cứ điểm 3, Điều 18 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; theo đó, sau khi cấp bằng Tổ quốc ghi công, thực hiện tại điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ: “Hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ: “1. Cá nhân lập bản khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ kèm bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công...” Thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T đã được giải quyết các trợ cấp ưu đãi hàng tháng (vợ và mẹ liệt sĩ) đến khi chết và (con liệt sĩ) đến tuổi trưởng thành.

Việc thực hiện chế độ tiền bằng Tổ quốc ghi công, hiện nay chưa có quy định cấp bằng Tổ quốc ghi công phải cấp tiền cho thân nhân liệt sĩ.

Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét giải quyết là không có cơ sở.

5. Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ:

Theo các quy định thực hiện chế độ chính sách đối với Liệt sĩ và thân nhân gia đình của Liệt sĩ, thì hiện nay chưa có quy định thực hiện tặng Kỷ niệm chương cho Liệt sĩ. Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết chế độ tiền tặng Kỷ niệm chương là chưa có cơ sở xem xét.

6. Chế độ 1 lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ:

Căn cứ theo Nghị định số 59/2003/NĐ-CP ngày 04/6/2003 của Chính phủ về việc quy định chế độ trợ cấp 1 lần đối với thân nhân người có công với cách mạng đã chết trước ngày 01/01/1995. Về nội dung này đã được giải quyết trợ cấp

cho ông Bùi Văn H do bà Võ Thị Ngọc H4 (vợ ông H) nhận tiền theo danh sách ký nhận ngày 28/4/2005 tại UBND thị trấn L.

Căn cứ quy định trên, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết chế độ 1 lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ là không có cơ sở.

7. Chế độ thờ cúng Liệt sĩ:

Căn cứ tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, Sở L tỉnh đã ban hành Quyết định số 895/QĐ-SLĐTBXH về việc trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ cho ông Bùi Văn H; theo đó, ông Bùi Văn H đã được giải quyết hưởng trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ hàng năm với mức 500.000 đồng/năm kể từ năm 2016, đồng thời được truy lĩnh tiền trợ cấp thờ cúng từ năm 2013 đến năm 2015 với số tiền là: 1.500.000 đồng (Nghị định số 31/2013 có hiệu lực từ ngày 01/6/2013). Hàng năm, tiền thờ cúng Liệt sĩ đều giải quyết cho ông Bùi Văn H từ năm 2013 đến năm 2021 mỗi năm là: 500.000 đồng.

Từ năm 2022, thực hiện theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, mức trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ có tăng lên là: 1.400.000 đồng/năm, ông Bùi Văn H cũng đã nhận tiền đầy đủ tại UBND thị trấn L.

Căn cứ quy định trên, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết chế độ thờ cúng Liệt sĩ là không có cơ sở.

8. Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ:

Căn cứ tại Nghị định số 08/NĐ ngày 17/6/1976 của Hội, theo hồ sơ Liệt sĩ Bùi Văn T thể hiện vợ liệt sĩ là bà Nguyễn Thị K1 – vợ Liệt sĩ sinh năm 1937 đã chết năm 1982, tại thời điểm bà Nguyễn Thị K1 từ trần (1982) chưa có quy định giải quyết mai táng phí cho vợ Liệt sĩ. Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết chế độ mai táng phí cho vợ Liệt sĩ là chưa có cơ sở.

9. Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ Liệt sĩ:

Vấn đề này, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện đã hướng dẫn và đề nghị ông Bùi Văn H đến UBND thị trấn L để được hướng dẫn khai báo thủ tục hồ sơ theo quy định (nếu bà Nguyễn Thị K1 - vợ Liệt sĩ đủ điều kiện). Trường hợp nếu bà Nguyễn Thị K1 được Nhà nước cấp Huân hoặc Huy chương thì Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện là cơ quan giải quyết chế độ trợ cấp cho thân nhân của bà Nguyễn Thị K1 theo quy định. Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ Liệt sĩ là chưa có cơ sở.

10. Chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hy sinh, năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ:

Theo hồ sơ Liệt sĩ Bùi Văn T số ĐN 7379, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B quản lý thể hiện: Liệt sĩ Bùi Văn T hy sinh ngày 07/02/1968, được cấp giấy báo tử ngày 05/4/1978, tại thời điểm năm 1968 chưa có chế độ ưu đãi khi Liệt sĩ hy sinh phải hưởng trợ cấp tại thời điểm hy sinh. Hiện nay, chưa có văn

bản quy định việc truy lĩnh, hồi tố chế độ này. Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết là không có cơ sở.

11. Chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho liệt sĩ tới nay chưa giải quyết:

Hiện nay, ông Bùi Văn Hải đăng k thường trú tại khu phố H, thị trấn L khó khăn về nhà ở nhưng hiện tại ông Bùi Văn H không có đất ở (đất do ông Bùi Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) do đó không thực hiện được việc xây tặng nhà tình nghĩa theo quy định.

Việc ông H đề nghị cấp đất, UBND huyện đã trả lời tại Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H.

Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết là không có cơ sở.

12. Chế độ 290, 188, 142, 49 của liệt sĩ chưa giải quyết đầy đủ theo đúng quy định:

- Căn cứ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, theo đó ông Bùi Văn H đã được giải quyết nhận trợ cấp tổng cộng là: 3.250.000 đồng, cụ thể: 2.250.000 đồng theo Quyết định số 746/QĐ-BTL ngày 15/9/2006 của Bộ 1 (ông Bùi Văn H ký nhận tiền trong danh sách ngày 07/02/2007) và 1.000.000 đồng theo Quyết định số 1454/QĐ-BTL ngày 06/10/2010 của Bộ 1 (ông Bùi Văn H ký nhận tiền trong danh sách 01/2011).

- Căn cứ tại Điều 1, khoản 2, điểm c theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương: “đối tượng không áp dụng: đã được hưởng chế độ trợ cấp 1 lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg”. Do đó, ông Bùi Văn H không được hưởng chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, lý do ông Bùi Văn H đã hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ..

- Căn cứ tại điều 2 Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định “đối tượng là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ...”. Do đó, Liệt sĩ Bùi Văn T tham gia hoạt động kháng chiến tại Đại đội 1, Tiểu đoàn 445 chức vụ Trung đội trưởng, không tham

gia dân công hỏa tuyến nên không áp dụng thực hiện hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định.

Căn cứ các quy định trên, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết là không có cơ sở.

13. Chế độ phong tặng bằng Danh dự Nhà nước cho bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa giải quyết:

Vấn đề này, UBND tỉnh đã giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh chủ trì liên hệ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L mời thân nhân gia đình của bà Mai Thị T1 thống nhất cử người đại diện để hướng dẫn khai hồ sơ truy tặng Danh hiệu bà M Việt Nam anh hùng theo quy định. Tuy nhiên, đến nay thân nhân gia đình của bà Mai Thị T1 chưa thống nhất cử người đại diện theo ủy quyền để hướng dẫn khai hồ sơ truy tặng Danh hiệu. Do đó, ông Bùi Văn H khiếu nại yêu cầu xem xét, giải quyết là chưa có cơ sở.

Việc UBND huyện L ban hành Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 về việc trả lời các kiến nghị của ông Bùi Văn H và Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L (lần đầu) là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, hiện nay UBND huyện L và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 về việc trả lời các kiến nghị của ông Bùi Văn H và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L (Lần đầu).

Để đảm bảo cho việc xét xử vụ án được toàn diện thì ủy ban đề nghị Tòa án triệu tập Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Lao động Thương binh – Xã hội và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Sở Lao động Thương binh - Xã hội là ông Vũ Nhật H3 trình bày:

Thẩm quyền giải quyết các chế độ đối với người có công là Ủy ban nhân dân tỉnh. UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở L. Ngoài ra UBND tỉnh ủy quyền cho Sở giải quyết chế độ trợ cấp một lần và chế độ mai táng phí đối với đối tượng hưởng theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, đối tượng hưởng theo Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định về chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.

Hiện nay thực hiện chế độ đối với người có công cách mạng theo Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 pháp lệnh ưu đãi người có công của Ủy

ban thường vụ Quốc hội; Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng; Nghị định 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Hiện nay thực hiện theo Thông tư 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ L3 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở L thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong đó có lĩnh vực Người có công. Đối với các chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ; Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ; chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ thuộc thẩm quyền của Ban Thi đua khen thưởng các cấp xem xét, đề nghị.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 51 Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 ngày 09-12-2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H đối với yêu cầu hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, do giải quyết vụ việc không thuộc thẩm quyền. Buộc Ủy ban nhân dân huyện L chuyển đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T nêu trên đến Ủy ban nhân dân tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L; Công văn số 14369/UBND – LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L; Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho thân nhân liệt sĩ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L về việc giải quyết đơn của ông Bùi Văn H; Công văn số 14369/UBND – LĐTBXH của UBND huyện L về việc trả lời kiến nghị của ông Bùi Văn H ngày 29/12/2022; Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BR- VT (lần đầu) và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn H, ngụ tại: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BR- VT (lần đầu) là đối tượng khởi kiện trong vụ án.

Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng”.

Các quyết định bị khiếu kiện do UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Vào tháng 5 năm 2023, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; đến tháng 6 năm 2023, ông Bùi Văn H khởi kiện các quyết định khiếu nại và quyết định hành chính có liên quan nên có căn cứ để xác định đơn khởi kiện của ông Bùi Văn H nộp trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu của người khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, cụ thể là: Chế độ tiền hàng tháng của Liệt sĩ; Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ; Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ; Chế độ tiền bằng tổ quốc ghi công; Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ; Chế độ một lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ; Chế độ thờ cúng liệt sĩ; Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ; Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ; Chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ; Chế độ 290, 188, 142 của liệt sĩ chưa giải quyết đầy đủ theo

quy định và Chế độ phong tặng bằng danh dự Nhà nước cho bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa được giải quyết thì thấy:

Các chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T mà ông Bùi Văn H yêu cầu được Hội đồng xét xử xác định thuộc trường hợp giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

Tại Điều 51 Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 ngày 09-12-2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức triển khai các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn;

c) Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng;

d) Ban hành quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn;

đ) Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chi quy định tại Điều 45 của Pháp lệnh này theo phân cấp, ủy quyền của Chính phủ và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

e) Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực trong xã hội để chăm lo, giúp đỡ người có công với cách mạng và gia đình;

g) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chính sách ngoài quy định tại khoản 1 Điều 45 của Pháp lệnh này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực trong xã hội để giúp đỡ gia đình người có công với cách mạng;

b) Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng;

c) Quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ thuộc địa bàn cấp huyện quản lý”.

Tại Công văn số 4817/SLĐTBXH-NCC ngày 06-10-2023 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B đã xác định:

“Thẩm quyền giải quyết các chế độ đối với người có công là Ủy ban nhân dân tỉnh. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở L. Ngoài ra UBND tỉnh ủy quyền cho Sở giải quyết chế độ trợ cấp một lần và chế độ mai táng phí đối với đối tượng hưởng theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, đối tượng hưởng theo Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định về chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.

Hiện nay thực hiện chế độ đối với người có công cách mạng theo Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 pháp lệnh ưu đãi người có công của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng; Nghị định 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Đối với các chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ; Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ; chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ thuộc thẩm quyền của Ban Thi đua khen thưởng các cấp xem xét, đề nghị”.

Như vậy, thẩm quyền xem xét, giải quyết các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T) thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ủy ban nhân dân huyện L không có thẩm quyền giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T. Vì không có thẩm quyền nên khi tiếp nhận được đơn của ông Bùi Văn H, Ủy ban nhân dân huyện L phải chuyển đơn đến UBND tỉnh B để giải quyết. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện L trực tiếp giải quyết đơn của ông H thể hiện tại Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L là không đúng quy định về thẩm quyền giải quyết. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, Hội đồng xét xử hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T.

[5] Xét yêu cầu của người khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L; Công văn số 14369/UBND – LĐT BXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L; Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, cụ thể là: chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho thân nhân liệt sĩ thì thấy:

Ông Bùi Văn H là con liệt sĩ Bùi Văn T; theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng được xác định là thân nhân liệt sĩ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013 quy định như sau:

“1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

h) Giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 (có hiệu lực ngày 15/02/2022) quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng: “Giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau:

3. Giảm 70% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau:

d, Thân nhân liệt sĩ”.

Tại Công văn số 8460/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/12/2020 của Sở T3 gửi UBND tỉnh B về việc giao đất ở cho gia đình chính sách, người có công cách mạng trên địa bàn huyện L thể hiện: “Việc giao đất ở đối với người có công với cách mạng Sở T3 đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh X ý kiến hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ T4 và Môi trường hướng dẫn như đã nêu trên. Các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất và các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai, thẩm quyền giao đất ở cho hộ gia đình và cá nhân là Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai, việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của L2, Bộ Tư pháp. Đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện L tìm quỹ đất công phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tổ chức đấu giá và hướng dẫn ông Bùi Văn H được biết để tham gia đấu giá theo quy định”.

Ngày 21/01/2021, UBND tỉnh có Văn bản số 695/UBND-VP về việc giao đất ở cho gia đình chính sách, người có công cách mạng trên địa bàn huyện L. Theo đó, UBND tỉnh giao UBND huyện L căn cứ các ý kiến đề xuất của Sở T3 tại Công văn số 8460/STNMT-CCQLĐĐ ngày 28/12/2020 triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Hiện nay, qua rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện L được UBND tỉnh B phê duyệt theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 01/3/2023, trong đó dự kiến đưa vào kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 khu đất công phù hợp quy hoạch đất ở.

Như vậy, đến thời điểm hiện nay Ủy ban nhân dân huyện L đang thực hiện các thủ tục để giao đất ở cho gia đình chính sách, người có công cách mạng trên địa bàn huyện L (trong đó có thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T), là thực hiện đúng chính sách ưu đãi đối với người có công theo đúng hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh B. Nhưng vì chưa có quỹ đất nên đã trả lời cho ông Bùi Văn H biết là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Khi Ủy ban nhân dân huyện L bố trí được khu đất công để giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn huyện thì ông H được liên hệ để xem xét, giải quyết theo quy định.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn H đối với nội dung về giải quyết chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho thân nhân liệt sĩ.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần, nên UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Miễn án phí cho ông Bùi Văn H.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 51 Pháp lệnh 02/2020/UBTVQH14 ngày 09-12-2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 12, 15, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H;

Hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 của UBND huyện L và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, cụ thể là: Chế độ tiền hàng tháng của Liệt sĩ; Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ; Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ; Chế độ tiền bằng tổ quốc ghi công; Chế độ tiền tặng kỷ niệm chương cho liệt sĩ; Chế độ một lần cho người hoạt động kháng chiến chống

Mỹ; Chế độ thờ cúng liệt sĩ; Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ; Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ; Chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ; Chế độ 290, 188, 142 của liệt sĩ chưa giải quyết đầy đủ theo quy định và Chế độ phong tặng bằng danh dự Nhà nước cho bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa được giải quyết.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện L chuyển đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T nêu trên đến Ủy ban nhân dân tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 của UBND huyện L; Công văn số 14369/UBND – LĐTĐ ngày 29/12/2022 của UBND huyện L; Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 24/05/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết đơn của ông Bùi Văn H có nội dung yêu cầu giải quyết chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, cụ thể là: chế độ cấp đất xây nhà tình nghĩa cho thân nhân liệt sĩ.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Miễn án phí sơ thẩm cho ông Bùi Văn H.

4. Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long